

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
NỘI DUNG THÔNG TIN THUỐC**

Tên Cơ quan xác nhận: **Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế**

Xác nhận nội dung thông tin thuốc:

STT	Tên thuốc	Số giấy đăng ký lưu hành
1	Palono-BFS	VD-27831-17

Đơn đề nghị số: **152/2018/CV-CPC1HN**

Tên cơ sở đề nghị xác nhận: **Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, huyện Thường Tín, Hà Nội**

Hình thức thông tin thuốc: **Tài liệu thông tin thuốc**

Số giấy xác nhận: **0232/2018/XNTT/QLD**

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2018

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Tất Đạt



Rx: Thuốc bán theo đơn

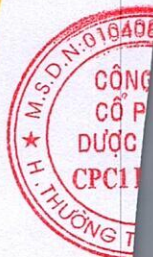
Tài liệu thông tin thuốc

PALONO-BFS

*Palonosetron 0,25 mg/ 5 mL
(dưới dạng palonosetron hydroclorid)*

[Signature]

23/4/2018



Tài liệu này gồm có 04 trang
Số giấy xác nhận nội dung
thông tin thuốc của Bộ Y tế: .../XNTT/..., ngày...tháng...năm...
Thông tin chi tiết xem tại trang 2, trang 3 và trang 4.
Ngày tài liệu:/...../.....



Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, Thường Tín, Hà Nội.

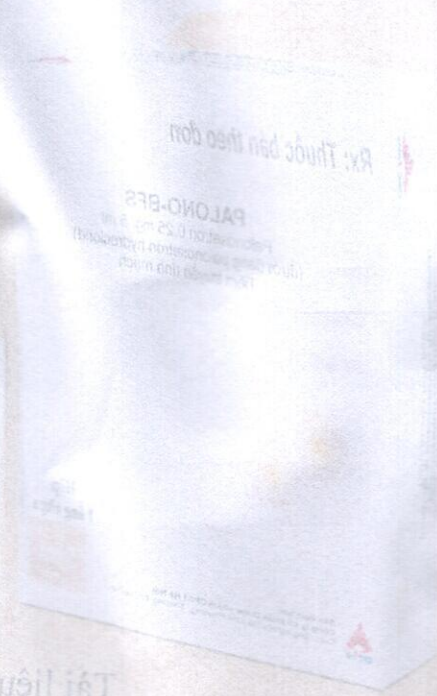
Tài liệu thông tin thuốc

Rx: Thuốc đơn theo đơn

PALONO-BFS

Palonosetron 0,25 mg/2 mL
(dưới dạng palonosetron hydrochloride)

23/1/2018



Tài liệu này gồm có 04 trang
Số giấy tờ nhận nội dung
thông tin thuốc của Bộ Y tế: XNTT... ngày... tháng... năm...
Thông tin chi tiết xem tại trang 2, trang 3 và trang 4.
Ngày tái hiệu: .../.../...

Công ty cổ phần phân phối CPC I Hà Nội
Cụm công nghiệp Bình Phương, Thượng Lâm, Hà Nội.



PALONO-BFS

Palonosetron 0,25 mg/ 5 mL
(dưới dạng palonosetron hydroclorid)

Tài liệu thông tin thuốc

Chỉ định

- Buồn nôn và nôn do hóa trị liệu:
- + Phòng ngừa buồn nôn, nôn cấp tính và nôn muộn ở chu kỳ đầu tiên hoặc lặp lại trong hóa trị liệu ung thư gây nôn trung bình và hóa trị liệu ung thư gây nôn cao ở bệnh nhân người lớn.
- + Phòng ngừa buồn nôn và nôn cấp tính ở chu kỳ đầu tiên hoặc lặp lại trong vòng 24 giờ sau phẫu thuật.
- Buồn nôn và nôn sau phẫu thuật: Phòng ngừa buồn nôn và nôn sau phẫu thuật trong vòng 24 giờ sau phẫu thuật. Cũng như các thuốc chống nôn khác, phòng ngừa thường xuyên không được khuyến cáo ở các bệnh nhân ít có nguy cơ bị buồn nôn và nôn sau phẫu thuật. Ở bệnh nhân mà buồn nôn hoặc nôn cần phải tránh sau phẫu thuật, palonosetron được khuyến cáo thậm chí khi tỷ lệ buồn nôn và/ hoặc nôn thấp.

Liều lượng và cách dùng

- Buồn nôn và nôn do hóa trị liệu:
- Người lớn: liều duy nhất 0,25 mg tiêm truyền tĩnh mạch trong ít nhất 30 giây. Tiêm trước khi bắt đầu truyền hóa chất khoảng 30 phút.
- Trẻ em (từ 1 tháng tuổi đến dưới 17 tuổi): liều duy nhất 20 µg/kg (tối đa 1,5 mg) truyền tĩnh mạch trong ít nhất 15 phút. Tiêm trước khi bắt đầu truyền hóa chất khoảng 30 phút.
- Buồn nôn và nôn sau phẫu thuật

Người lớn: liều duy nhất 0,075 mg tiêm truyền tĩnh mạch trong ít nhất 10 giây ngay trước khi gây mê. Palonosetron được dùng để tiêm truyền ngay. Không nên pha thuốc với bất kỳ thuốc nào khác. Xả dây truyền bằng nước muối sinh lý NaCl 0,9% trước và sau khi truyền palonosetron.

Kiểm tra bằng mắt thường xem có dị vật hoặc bất thường về màu sắc trước khi truyền.

Chống chỉ định

Bệnh nhân mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc

Thận trọng

Do palonosetron có thể làm tăng thời gian vận chuyển ruột già, bệnh nhân có tiền sử táo bón hoặc dấu hiệu của tắc ruột cấp tính nên được theo dõi sau khi dùng thuốc. Hai trường hợp táo bón với phân đóng khối phải nhập viện đã được báo cáo liên quan đến việc dùng palonosetron ở mức liều 750 microgram.

Tại tất cả các mức liều thử nghiệm, palonosetron không gây ra sự kéo dài có liên quan về mặt lâm sàng của khoảng QTc. Ảnh hưởng của palonosetron trên huyết áp, nhịp tim, và các thông số ECG bao gồm QTc được so sánh với ondansetron và dolasetron trong các nghiên cứu lâm sàng dự phòng buồn nôn và nôn sau hóa trị.

Trong các nghiên cứu phi lâm sàng palonosetron có khả năng chặn các kênh ion tham gia sự khử cực và tái cực của tim thất và làm kéo dài thời gian điện thế hoạt động. Ảnh hưởng của palonosetron lên khoảng QTc được đánh giá trong một thử nghiệm mù đôi, ngẫu nhiên, song song, giả dược và được chất (moxifloxacin) có kiểm soát ở nam giới và phụ nữ trưởng thành. Mục tiêu là để đánh giá ảnh hưởng lên điện tâm đồ khi dùng palonosetron liều duy nhất 0,25, 0,75 hoặc 2,25 mg ở 221 người khỏe mạnh. Nghiên cứu cho thấy không có sự ảnh hưởng nào lên khoảng QT / QTc cũng như bất kỳ khoảng ECG khác với liều palonosetron lên đến 2,25 mg. Không có thay đổi đáng kể về mặt lâm sàng đã được hiển thị trên nhịp tim, dẫn truyền nhĩ thất và sự tái cực sớm của tim.

Như vậy, giống như đối với các chất đối kháng 5-HT₃ khác, cần thận trọng trong việc sử dụng palonosetron ở những bệnh nhân có hoặc có khả năng phát triển kéo dài khoảng QT. Những điều kiện này bao gồm những bệnh nhân có tiền sử cá nhân hoặc gia đình có QT kéo dài, bất thường điện giải, suy tim sung huyết, nhịp tim chậm, rối loạn dẫn truyền và bệnh nhân đang dùng thuốc chống loạn nhịp tim hoặc các sản phẩm thuốc khác mà dẫn đến QT kéo dài hoặc điện giải bất thường. Hạ kali máu và giảm magesi huyết cần được điều trị trước khi dùng các thuốc ức chế 5-HT₃.

PALONO-BFS

Palonosetron 0,25 mg/ 5 mL
(dưới dạng palonosetron hydroclorid)

Tài liệu thông tin thuốc



Đã có báo cáo về hội chứng serotonin với việc sử dụng thuốc ức chế 5-HT₃ đơn độc hoặc kết hợp với các thuốc hệ serotonergic khác (bao gồm cả các chất ức chế serotonin chọn lọc tái hấp thu (SSRI) và thuốc ức chế tái hấp thu serotonin-norepinephrin (SNRIs)). Bệnh nhân cần được theo dõi chặt chẽ. Palonosetron không nên được sử dụng để ngăn ngừa hoặc điều trị buồn nôn và nôn trong những ngày sau hóa trị nếu không kết hợp với một liệu trình hóa trị liệu khác. Thuốc chứa dưới 1 mmol natri (23 mg)/ ống nhựa 5 mL. Cần lưu ý khi sử dụng cho các bệnh nhân có chế độ ăn uống có kiểm soát ion natri.

Tác dụng không mong muốn

Thường gặp: ($\geq 1 / 100$ đến $< 1/10$)
Không phổ biến: ($\geq 1 / 1000$ đến $< 1/100$)
Rất hiếm: ($< 1 / 10.000$)
Rối loạn hệ thống miễn dịch: (Rất hiếm) Quá mẫn, phản ứng phản vệ và sốc
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng: (Không phổ biến) Tăng kali máu, rối loạn chuyển hóa, hạ calci máu, hạ kali máu, chán ăn, tăng đường huyết, giảm sự thèm ăn
Rối loạn tâm thần: (Không phổ biến) Lo lắng, tâm trạng hưng phấn
Rối loạn hệ thần kinh: (Thường gặp) Đau đầu, chóng mặt; (Không phổ biến) Buồn ngủ, mất ngủ, dị cảm, rối loạn giấc ngủ (hypersomnia), bệnh thần kinh cảm giác ngoại vi
Rối loạn mắt: (Không phổ biến) Rát mắt, giảm thị lực
Rối loạn thính giác: (Không phổ biến) Say tàu xe, ù tai
Các rối loạn tim: (Không phổ biến) Nhịp tim nhanh, nhịp tim chậm, ngoại tâm thu, thiếu máu cục bộ cơ tim, nhịp tim nhanh xoang, rối loạn nhịp tim, ngoại tâm thu trên thất
Rối loạn mạch máu: (Không phổ biến) Hạ huyết áp, tăng huyết áp, mất màu tĩnh mạch, tĩnh mạch phình to
Rối loạn hô hấp, ngực và trung thất: (Không phổ biến) Nấc
Rối loạn tiêu hóa: (Thường gặp) Táo bón bệnh tiêu chảy; (Không phổ biến) Rối loạn tiêu hóa, đau bụng, đau bụng, khô miệng, đầy hơi
Rối loạn gan mật: (Không phổ biến) Tăng bilirubin máu
Da và các rối loạn mô dưới da: (Không phổ biến) Viêm da dị ứng, nổi mẩn ngứa
Xương khớp và rối loạn mô liên kết: (Không phổ biến) Đau khớp
Rối loạn thận và tiết niệu: (Không phổ biến) Bí tiểu
Rối loạn chung và tại vị trí tiêm: (Không phổ biến) Suy nhược, sốt, mệt mỏi, cảm giác nóng, giống như bệnh cúm; (Rất hiếm) Phản ứng tại chỗ tiêm
Các xét nghiệm: (Không phổ biến) Tăng transaminases, khoảng QT kéo dài

Tác dụng không mong muốn ở trẻ em

Thực hiện các thử nghiệm lâm sàng ở trẻ em để phòng ngừa buồn nôn và nôn gây ra bởi hóa trị gây nôn trung bình hoặc nặng, 402 bệnh nhân đã dùng một liều duy nhất palonosetron (3, 10 hoặc 20 mcg / kg). Các phản ứng bất lợi thông thường hoặc không phổ biến sau đây đã được báo cáo cho palonosetron:

Phổ biến ($\geq 1/100$ đến $< 1/10$)
Không phổ biến ($\geq 1/1.000$ đến $< 1/100$)
Rối loạn hệ thần kinh: (Phổ biến) Đau khớp; (Không phổ biến) Chóng mặt, rối loạn vận động
Các rối loạn tim: (Không phổ biến) Điện tâm đồ QT kéo dài, Rối loạn dẫn truyền, nhịp xoang nhanh
Rối loạn hô hấp, lồng ngực và trung thất: (Không phổ biến) Ho, khó thở, chảy máu cam
Rối loạn da và các mô dưới da: (Không phổ biến) Viêm da dị ứng, ngứa, rối loạn da, nổi mề đay
Rối loạn chung và tại vị trí tiêm: (Không phổ biến) Sốt, đau tại chỗ tiêm truyền, phản ứng tại chỗ tiêm.

Cần báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ khi gặp phải các tác dụng phụ của thuốc.

PALONO-BFS

Palonosetron 0,25 mg/2 ml
(dạng dung dịch palonosetron hydrochlorid)

Đã có báo cáo về hội chứng serotonin với việc sử dụng thuốc ức chế 5-HT₃ đơn độc hoặc kết hợp với các thuốc hệ serotoninergic khác (bao gồm cả các chất ức chế serotonin chọn lọc tái hấp thu (SSRI) và thuốc ức chế tái hấp thu serotonin-norepinephrin (SNRIs)). Bệnh nhân cần được theo dõi chặt chẽ.
Palonosetron không nên được sử dụng để ngăn ngừa hoặc điều trị buồn nôn và nôn trong những ngày sau hóa trị nếu không kết hợp với một liệu trình hóa trị liệu khác.
Thuốc chứa dưới 1 mmol natri (23 mg) trong mỗi 2 ml. Cần tính y khi sử dụng cho các bệnh nhân có chế độ ăn natri có kiểm soát ion natri.

Tác dụng không mong muốn

- Thường gặp (>1/100 đến <1/10):
Không phổ biến (>1/1000 đến <1/100):
Rất hiếm (<1/10000):
Rối loạn hệ thống miễn dịch (Không phổ biến) Quá mẫn, phản ứng phân vệ và sốc
Rối loạn chuyển hóa và dinh dưỡng (Không phổ biến) Tăng kali máu, rối loạn chuyển hóa, hạ calci máu, hạ kali máu, chán ăn, tăng đường huyết, giảm sự thèm ăn
Rối loạn thần kinh (Không phổ biến) Loãng xương, tăng nguy cơ gãy xương
Rối loạn hệ thần kinh (Thường gặp) Đau đầu, chóng mặt (Không phổ biến)
Tác dụng (hypersensitivity) bệnh nhân cảm giác ngứa và
Rối loạn mắt (Không phổ biến) Rối loạn thị lực
Rối loạn thính giác (Không phổ biến) Giảm thính lực
Rối loạn tim (Không phổ biến) Nhịp tim nhanh, nhịp tim chậm, ngoại tâm thu, thiếu máu cục bộ cơ tim, nhịp tim
nhịp xoang, rối loạn nhịp tim, ngoại tâm thu thất
Rối loạn mạch máu (Không phổ biến) Hạ huyết áp, tăng huyết áp, mất máu tĩnh mạch, tình mạch phình to
Rối loạn hô hấp, ngực và trung thất (Không phổ biến) Nặng
Rối loạn tiêu hóa (Thường gặp) Táo bón hoặc tiêu chảy (Không phổ biến) Rối loạn tiêu hóa, đau bụng, đau bụng
m, khó miệng, đầy hơi
Rối loạn gan mật (Không phổ biến) Tăng bilirubin máu
và các rối loạn mô dưới da (Không phổ biến) Viêm da dị ứng, nổi mẩn ngứa
Khung khớp và rối loạn mô liên kết (Không phổ biến) Đau khớp
Loạn thần và rối loạn (Không phổ biến) Hysteria
Loạn chức năng và rối loạn (Không phổ biến) Suy nhược, sốt, một mức cảm giác nóng, giống như bệnh cúm;
hiếm) Thẩn tăng tại chỗ tiêm
ec: (Không phổ biến) Tăng transaminases, không QT kéo dài
dùng không mong muốn ở trẻ em
hệ các thử nghiệm lâm sàng ở trẻ em để đánh giá hiệu quả và an toàn của palonosetron
402 bệnh nhân đã được điều trị với palonosetron (3, 10 hoặc 20 mcg/kg). Các phản ứng bất lợi thông
ưng hoặc không phổ biến sau đây đã được báo cáo cho palonosetron:
hiếm (>1/100 đến <1/100)
loạn hệ thần kinh (phổ biến) Đau khớp; (không phổ biến) Chóng mặt, rối loạn vận động
rối loạn tim (không phổ biến) Điện tâm đồ QT kéo dài, Rối loạn dẫn truyền, nhịp xoang nhanh
loạn hệ hô hấp, lồng ngực và trung thất (không phổ biến) Hô, khó thở, chảy máu cam
loạn da và các mô dưới da (không phổ biến) Viêm da dị ứng, ngứa, rối loạn da, nốt mề đay
loạn chức năng và rối loạn (không phổ biến) Sốt, đau tại chỗ tiêm truyền, phản ứng tại chỗ tiêm,
gây đau ngứa cho bệnh nhân bị bệnh hoặc dị ứng với thành phần của thuốc.

PALONO-BFS

Tài liệu thông tin thuốc

Palonosetron 0,25 mg/ 5 mL
(dưới dạng palonosetron hydroclorid)



Tương tác thuốc

Palonosetron được chuyển hóa chủ yếu bởi CYP2D6, một phần nhỏ bởi CYP3A4 và CYP1A2 isoenzym. Dựa trên nghiên cứu in vitro, palonosetron không ức chế hoặc kích thích cytochrom P450 isoenzym ở nồng độ lâm sàng liên quan.

Các thuốc chống ung thư

Trong các nghiên cứu tiền lâm sàng, palonosetron không ức chế hoạt động chống ung thư của cisplatin, cyclophosphamid, cytarabin, doxorubicin và mitomycin C.

Metoclopramid

Trong một nghiên cứu lâm sàng, một liều tiêm tĩnh mạch duy nhất của palonosetron không gây ảnh hưởng đến nồng độ trạng thái ổn định của metoclopramid dùng theo đường uống.

Thuốc gây cảm ứng và ức chế CYP2D6

Không có tác động đáng kể lên độ thanh thải của palonosetron khi điều trị phối hợp với các chất gây cảm ứng CYP2D6 (dexamethason và rifampicin) và chất ức chế CYP2D6 (bao gồm cả amiodaron, celecoxib, chlorpromazin, cimetidin, doxorubicin, fluoxetin, haloperidol, paroxetin, quinidin, ranitidin, ritonavir, sertralin hoặc terbinafin).

Corticosteroid

Palonosetron đã được sử dụng một cách an toàn với corticosteroid.

Thuốc serotonergic (ví dụ như các thuốc ức chế tái hấp thu serotonin có chọn lọc (SSRIs) và thuốc ức chế tái hấp thu serotonin-norepinephrine (SNRIs)

Đã có báo cáo về hội chứng serotonin sau khi sử dụng đồng thời thuốc đối kháng 5-HT₃ và thuốc serotonergic khác (bao gồm các thuốc SSRI và SNRIs).

Sản phẩm thuốc khác

Palonosetron đã được sử dụng an toàn với thuốc giảm đau, chống nôn, chống co thắt và thuốc kháng cholinergic.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Thời kỳ mang thai

Chưa có dữ liệu về việc sử dụng palonosetron ở phụ nữ mang thai. Nghiên cứu động vật không cho thấy tác hại trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc mang thai, sự phát triển phôi / thai, sinh đẻ hoặc phát triển sau sinh.

Không có kinh nghiệm sử dụng palonosetron trong thời kỳ mang thai. Vì vậy, palonosetron không nên được sử dụng ở phụ nữ mang thai trừ khi nó được coi là cần thiết bởi các bác sĩ.

Thời kỳ cho con bú

Không có dữ liệu liên quan đến palonosetron bài tiết trong sữa mẹ, nên ngưng cho con bú trong khi điều trị.

Khả năng sinh sản

Không có dữ liệu liên quan đến ảnh hưởng của palonosetron về khả năng sinh sản.

Affecting driving ability and operating machinery

There is no study on the effect of the drug on driving ability or operating machinery. The drug may cause some side effects such as dizziness, drowsiness, fatigue, etc. Patients should be careful when driving or operating machinery.

Overdose

There is no report of overdose.

In case of overdose, stop the drug immediately and seek medical help. The drug is not known to be a controlled substance.

However, due to the high concentration of the drug in the blood, it may cause some side effects such as dizziness, drowsiness, fatigue, etc.

Storage: Store in a cool, dry place, away from light, at a temperature below 30°C.

Shelf life: 24 months from the date of manufacture.

ĐỂ XA TÀM TAY TRẺ EM

Nhà sản xuất:



Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
Tập đoàn công nghiệp Hà Bình Phương, Thường Tín, Hà Nội.

**Palonosetron 0,25 mg/5 ml
(dạng dung palonosetron hydrochlorid)**

Tài liệu thông tin thuốc

Tương tác thuốc
Palonosetron được chuyển hóa chủ yếu bởi CYP2D6, một phần nhỏ bởi CYP3A4 và CYP1A2 isoenzym. Dựa trên nghiên cứu in vitro, palonosetron không ức chế hoặc kích thích isoenzym ở nồng độ lâm sàng liên quan. Các thuốc chống ung thư
Trong các nghiên cứu tiền lâm sàng, palonosetron không ức chế hoạt động chống ung thư của cisplatin, cyclophosphamid, cytarabin, doxorubicin và mitomycin C.
Metoclopramid
Trong một nghiên cứu lâm sàng, một liều tiêm tĩnh mạch duy nhất của palonosetron không gây ảnh hưởng đến nồng độ trung tâm ổn định của metoclopramid dùng theo đường uống.
Thuốc gây cảm lạnh và cúm CYP2D6
Không có tác động đáng kể lên độ thanh thải của palonosetron khi điều trị phối hợp với các chất gây cảm lạnh CYP2D6 (desmethason và rifampicin) và chất ức chế CYP2D6 (bao gồm cả amiodaron, cefexonid, chlorpromazin, cimetidin, doxorubicin, fluoxetin, haloperidol, paroxetin, parinidin, ranitidin, ritonavir, scirtalin hoặc terbinatin).

Corticosteroid
Palonosetron đã được sử dụng một cách an toàn với corticosteroid.
Thuốc serotoninergic (ví dụ như các thuốc ức chế tái hấp thu serotonin có chọn lọc (SSRIs) và thuốc ức chế tái hấp thu serotonin-norepinephrine (SNRIs))
Đã có báo cáo về hội chứng serotonin sau khi sử dụng đồng thời thuốc đối kháng 5-HT₃ và thuốc serotoninergic khác (bao gồm các thuốc SSRIs và SNRIs).
Sau phẫu thuật khác
Palonosetron đã được sử dụng an toàn với thuốc giảm đau, chống nôn, chống co thắt và thuốc kháng cholinergic.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú
Thời kỳ mang thai
Chưa có dữ liệu về việc sử dụng palonosetron ở phụ nữ mang thai. Nghiên cứu động vật không cho thấy tác hại trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc mang thai, sự phát triển phôi thai, sinh đẻ hoặc phát triển sau sinh.
Không có kinh nghiệm sử dụng palonosetron trong thời kỳ mang thai. Vì vậy, palonosetron không nên được sử dụng ở phụ nữ mang thai trừ khi nó được coi là cần thiết bởi các bác sĩ.

Thời kỳ cho con bú
Không có dữ liệu liên quan đến palonosetron bài tiết trong sữa mẹ, nên ngưng cho con bú trong khi điều trị.
Đã mang thai sau
Không có dữ liệu liên quan đến ảnh hưởng của palonosetron về khả năng sinh sản.
Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc
Chưa có nghiên cứu về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc. Thuốc có thể gây một số tác dụng phụ như đau đầu, chóng mặt, một mức độ buồn ngủ cần thận trọng khi lái xe hoặc vận hành máy móc.

Liều dùng
Thuốc có tương hợp qua liều được báo cáo.
Tương hợp qua liều cần điều trị trước chứng và điều trị hỗ trợ. Nghiên cứu lâm sàng đã chứng minh rằng liều qua liều palonosetron 0,25 mg/5 ml thích hợp để phân bổ liều. Liều nên được điều chỉnh dựa trên mức độ đau 30°C.
Liều dùng: Bao gồm trong bao bì kim tiêm ánh sáng, ở nhiệt độ dưới 30°C.
Ngày: 24 tháng kể từ ngày sản xuất 5 ngày sau khi mở và nhóm

BÉ XA TÂM TAY TRẺ EM

Nhà sản xuất:

Công ty cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Tĩnh Phường, Thương Tín, Hà Nội

